TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/DS – PT
Ngày: 05/4/2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt
Ông Nguyễn Thế Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khắc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2019/TLPT- DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 195/2018/DS – ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2019/QĐ – PT ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là Luật sư Lê Văn L – Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: đường H, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Quang H, sinh năm 1927 (chết năm 2018)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H:

- Ông Trần Quang T1, sinh năm 1962;
- Ông Trần Quang H1, sinh năm 1961;
- Ông Trần Quang C, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Quang T2, sinh năm 1963;

- Ông Trần Quang T3, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Quang H2, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Quang H3, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị B, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Quang K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quang T1, ông Trần Quang H1, ông Trần Quang T2, ông Trần Quang H2, ông Trần Quang H3, bà Trần Thị B, ông Trần Quang T3, ông Trần Quang K, ông Trần Quang C là ông Sử Văn N, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2018 (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn C1, sinh năm 1963 (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Mai L1, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mai L1 là ông Trần Văn C1 theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2018 (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Võ Quang T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên ông Võ Văn T trình bày:

Ông là chủ sử dụng phần đất có diện tích 1.936m^2 thuộc các thửa 439,440, 44, tờ bản đồ số 2, xã S, huyện C và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/2000. Giáp ranh với phần đất này là thửa đất số 442, 443 của ông Trần Quang H. Trước đây, đường ranh đất giữa hai thửa đất là một đường thẳng nhưng sau đó ông H làm hàng rào là một đường gấp khúc lấn qua phần đất của ông, chỗ lấn nhiều nhất có chiều rộng khoảng 0,7m, hàng rào có chiều dài khoảng 35m, cạnh rào tường còn có một ngôi mộ, hồ nước và nhà vệ sinh.

Vì vậy ông yêu cầu lấy trụ đá đầu ngoài lộ đal làm chuẩn kéo một đường thẳng đến cuối đất để xác định ranh đất giữa thửa 439,440,441 (thuộc quyền sử dụng của ông) với thửa 442,443 (thuộc quyền sử dụng của ông H) là một đường thẳng (theo kết quả đo đạc là điểm từ số 9 đến 8). Trên cơ sở đường ranh đất này để xác định phần đất bị đơn đã lấn sang phần đất thuộc quyền sử dụng của ông và yêu cầu bị đơn trả lại phần đất đã lấn chiếm.

Nguyên đơn đồng ý kết quả xem xét thẩm định, đo đạc định giá, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Sử Văn N trình bày:

Ông Trần Quang H là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa 442,443 tờ bản đồ số 2, xã S, huyện C và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/6/1998. Ranh đất giữa ông H với ông T trước đây bà Đ (mẹ ông T) đã cấm cột mốc làm ranh được hai bên thống nhất không tranh chấp từ năm 1960 đến nay. Phía ngoài lộ đal là cột bêtông còn phía trong là hàng rào dâm bụt, các trụ đá và hàng rào xương rồng hiện nay vẫn còn, sau này phía ông H làm hàng rào ngay vị trí ranh mà trước đây bà Đ đã cấm mốc, trong lúc cấm ranh có mời con ông T ra xác định. Trước đây khi đo đạc là đo bằng thước dây mà thước dây chỉ dài khoảng 30m nên phải có nhiều điểm chứ không thể là một đường thẳng như nguyên đơn trình bày. Do có đường ranh đất giữa 439,440,441 với thửa 442,443 là một đường gấp khúc theo như ông H xác định. Trường hợp nếu phía bị đơn có lấn sang đất của ông T sẽ tự phá dỡ hàng rào và các công trình trên đất để trả lại quyền sử dụng đất cho bên ông T.

Bị đơn đồng ý với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc định giá, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa cụ liên quan ông Trần Văn C1 (đồng lời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mai L1) trình bày:

Hiện ông đang sử dụng phần đất thuộc thửa 154 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C. Giáp ranh với phần đất của ông là phần đất thuộc quyền sử dụng của ông H mà hiện nay các bên đang tranh chấp. Giữa ông và ông H đã xây hàng rào kiên cố và hai bên không có tranh chấp. Việc ông T tranh chấp ranh với ông H xuyên qua phần đất của ông, ông không đồng ý. Trước đây ông T có khởi kiện ông để yêu cầu ông trả lại phần đất ông đang sử dụng nhưng tại bản án phúc thẩm số 10/2008/DS-PT ngày 16/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông T. Vì vậy việc ông T cho rằng ông vẫn còn quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp này và tranh chấp ranh với ông H là không hợp lý nên ông yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu khởi kiện của ông T đối với phần đất thuộc thửa 154 mà ông đang quản lý sử dụng.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 195/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 đã tuyên:

Căn cứ các Điều 255, 256, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với ông Trần Quang H về việc yêu cầu xác định đường ranh đất giữa thửa 154 với thửa 190, tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với ông Trần Quang H về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Cụ thể:

Buộc những người thừa kế của ông Trần Quang H gồm: Trần Quang T1, Trần Quang H1, Trần Quang C, Trần Quang T2, Trần Quang T3, Trần Quang H2, Trần Quang H3, Trần Quang K và bà Trần Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Võ Văn T các phần đất tranh chấp có diện tích 6,4m^2, 1,6m^2, 19,4m^2, 34,7m^2 , 0,7m^2 (tổng cộng 62,8m^2) thuộc thửa 191 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre . (Có họa đồ kèm theo)

Đường ranh đất giữa đất số thửa 191 với 190 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre là đường nối liền từ điểm K đến điểm số 9 dài 80,92m (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 154, 190, 191 đề ngày 03/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C – Bút lục 457,476)

3. Buộc những người thừa kế của ông Trần Quang H gồm: Trần Quang T1, Trần Quang H1, Trần Quang C, Trần Quang T2, Trần Quang T3, Trần Quang H2, Trần Quang H3, Trần Quang K và bà Trần Thị B phải tự tháo dỡ, di dời nhà vệ sinh (ký hiệu J:diện tích 1,1m^2), hồ nước (ký hiệu I: diện tích 2,8m^2) và hàng rào lưới B40, móng cột bê tông cốt thép, tường xây gạch ống và các vật dụng khác ra khỏi phần đất tranh chấp (6,4m^2; 1,6m^2; 19,4m^2; 34,7m^2 và 0,7m^2) thuộc thửa 191 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre để trả lại quyền sử dụng cho ông Võ Văn T.

4. Ghi nhận ông Võ Văn T đồng ý giữ nguyên hiện trạng khu nghĩa địa (ký hiệu H: có diện tích 6,8m^2) trên phần đất thuộc thửa 191 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/11/2018 ông Võ Văn T kháng cáo. Theo đơn kháng cáo ông T trình bày: Ông kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm công nhận ranh đất giữa ông với ông H theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất là một đường thẳng từ điểm 8 – 9 và buộc ông H tháo dỡ hàng rào, cây trồng, công trình xây dựng khác lấn sang đất của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày: Tòa sơ thẩm đình chỉ yêu cầu xác định đường ranh đất giữa thửa 154 với thửa 190 là không có căn cứ. Bởi lẽ, Bản án sơ thẩm số 117/2006/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách ngày 07/8/2006; Bản án phúc thẩm số 288/2007/DS-PT ngày 11/7/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Quyết định giám đốc thẩm số 702/2010/DS-GĐT ngày 20/10/2010 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao đều xác định ranh đất giữa ông T và ông H là một đường thẳng do ông T và ông H sử dụng. Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 13/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện thửa 90 của ông H và thửa 154 là của ông T chứ không có để đất của ông C1 đứng tên nên có cơ sở pháp lý chứng minh đất của ông T. Do đó, ranh đất giữa ông T và ông H là điểm 8 đến điểm 9, không phải là điểm K đến điểm số 9 như án sơ thẩm tuyên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông C1 trình bày: Bản án phúc thẩm số 10/2008/DS-PT ngày 16/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông T đối với thửa đất số 154. Do đó ông không đồng ý với kháng cáo của ông T, yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn trình bày: Phía bị đơn không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm và có kháng cáo nhưng đã hết hạn nên không được chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận ranh đất giữa hai bên từ điểm K đến hết đất qua hai điểm gãy.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông T và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất đã lấn chiếm, theo đó ông cho rằng ranh đất giữa thửa 154, 191 với thửa 190 là một đường thẳng từ điểm số 8 đến điểm số 9 (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất lập ngày 03/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C) nhưng cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông, công nhận ranh đất giữa ông với ông H từ điểm K đến điểm 9 thì hai bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với phần này nên đã phát sinh hiệu lực. Ông T kháng cáo phần đình chỉ của tòa sơ thẩm đối với đường ranh đất giữa thửa 154 và thửa 190 của ông H từ điểm số 8 đến điểm K và yêu cầu công nhận ranh đất của ông T và ông H từ điểm số 8 đến điểm số 9 theo họa đồ nêu trên. Cũng theo họa đồ này thì bị đơn cho rằng không có lấn chiếm đất của ông T và ranh đất giữa hai bên từ điểm số 1 đến điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7 là đường gấp khúc nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất lập ngày 03/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thì ranh đất giữa thửa 154 với thửa 190 được xác định từ điểm số 8 đến điểm K có chiều dài 30,28m. Đoạn ranh này do ông Trần Văn C1 đang quản lý, sử dụng. Trước đây, ông T đã khởi kiện yêu cầu ông Chất trả lại phần đất này. Tại Bản án phúc thẩm số 10/2008/DS-PT ngày 16/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông T. Như vậy, sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của tòa án và không thuộc trường hợp được khởi kiện lại nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T đối với phần ranh đất giữa thửa 154 với 190 là phù hợp với quy định tại điểm g Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, tòa sơ thẩm xác định ranh đất giữa ông T và ông H là từ điểm K đến điểm số 9 là có căn cứ. Ông T kháng cáo yêu cầu công nhận ranh đất giữa hai bên từ điểm số 8 đến điểm số 9 là không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 195/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Cụ thể tuyên:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với ông Trần Quang H về việc yêu cầu xác định đường ranh đất giữa thửa 154 với thửa 190, tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với ông Trần Quang H về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Cụ thể:

Buộc những người thừa kế của ông Trần Quang H gồm: Trần Quang T1, Trần Quang H1, Trần Quang C, Trần Quang T2, Trần Quang T3, Trần Quang H2, Trần Quang H3, Trần Quang K và bà Trần Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Võ Văn T các phần đất tranh chấp có diện tích 6,4m^2, 1,6m^2, 19,4m^2, 34,7m^2 , 0,7m^2 (tổng cộng 62,8m^2) thuộc thửa 191 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre . (Có họa đồ kèm theo)

Đường ranh đất giữa đất số thửa 191 với 190 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre là đường nối liền từ điểm K đến điểm số 9 dài 80,92m (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 154, 190, 191 đề ngày 03/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C – Bút lục 457,476)

3. Buộc những người thừa kế của ông Trần Quang H gồm: Trần Quang T1, Trần Quang H1, Trần Quang C, Trần Quang T2, Trần Quang T3, Trần Quang H2, Trần Quang H3, Trần Quang K và bà Trần Thị B phải tự tháo dỡ, di dời nhà vệ sinh (ký hiệu J:diện tích 1,1m^2), hồ nước (ký hiệu I: diện tích 2,8m^2) và hàng rào lưới B40, móng cột bê tông cốt thép, tường xây gạch ống và các vật dụng khác ra khỏi phần đất tranh chấp (6,4m^2; 1,6m^2; 19,4m^2; 34,7m^2 và 0,7m^2) thuộc thửa 191 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre để trả lại quyền sử dụng cho ông Võ Văn T.

4. Ghi nhận ông Võ Văn T đồng ý giữ nguyên hiện trạng khu nghĩa địa (ký hiệu H: có diện tích 6,8m^2) trên phần đất thuộc thửa 191 tờ bản đồ số 14 xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Về chi phí đo đạc, định giá: Ghi nhận ông Võ Văn T tự nguyện chịu 5.883.200đ (Năm triệu tám trăm tám mươi ba ngàn hai trăm đồng), đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận ông Võ Văn T tự nguyện chịu 50.000đ (Năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 001198 ngày 11/02/2004 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn T được miễn án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Võ Văn T số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà ông T đã

nộp theo biên lai thu số 0020410 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương